BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

GIÁP THỊ THÙY DUNG

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. HỒ KỲ MINH

Phản biện 1: PGS.TS NGUYỄN THỊ KIM ANH

Phản biện 2: PGS.TS BÙI QUANG BÌNH

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 01 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu – Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phù Cát là một huyện đồng bằng ven biển, là huyện nông nghiệp của tỉnh Bình Định, người dân Phù Cát sống chủ yếu bằng nghề nông, có nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Trong thời gian qua kinh tế của Huyện đã phát triển theo chiều hướng tích cực, tận dụng những tiềm năng và phát huy lợi thế hiện có. Bản thân nông-lâm-ngư nghiệp không thể đẩy nhanh được sự phát triển kinh tế của Huyện, không thể thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nói riêng và của đất nước nói chung. Do đó, phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp sẽ tạo điều kiện phát triển toàn diện kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đa dạng của nông nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của Huyện. Đây cũng chính là hướng đi tích cực để góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Xuất phát từ lý do trên tôi xin chọn đề tài "Phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp huyện Phù Cát, tỉnh Bình Đinh" để làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài tập trung vào nghiên cứu 3 mục tiêu cơ bản sau đây:

- Làm rõ cơ sở lý thuyết về phát triển CN-TTCN.

- Phân tích, đánh giá tình hình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Kiến nghị được các giải pháp phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu tình hình phát triển CN-TTCN

* Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: nghiên cứu những vấn đề về phát triển CN-TTCN

- Về không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu về tình hình phát triển CN-TTCN ở huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu tình hình phát triển của CN-TTCN huyện Phù Cát giai đoạn 2008-2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp tiếp cận

Từ thực tiễn vấn đề nghiên cứu kiểm nghiệm với lý thuyết để phân tích, đánh giá vấn đề từ đó đưa ra giải pháp.

* Phương pháp phân tích, đánh giá

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích thống kê

Phương pháp so sánh, đánh giá

Phương pháp tổng hợp

* Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập số liệu thứ cấp: từ phòng thống kê huyện Phù Cát, Niên giám Thống kê huyện Phù Cát, Niên giám Thống kê tỉnh Bình Định.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo…,Đề tài nghiên cứu gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển CN-TTCN

Chương 2: Tình hình phát triển CN-TTCN huyện Phù Cát trong thời gian qua.

Chương 3: Giải pháp phát triển CN-TTCN huyện Phù Cát

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG NGHIỆP-TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm công nghiệp

Công nghiệp, theo nghiã rộng của kinh tế học, là hoạt động kinh tế quy mô lớn, sản phẩm (có thể là phi vật thể) tạo ra trở thành hàng hóa.

Công nghiệp, theo nghĩa hẹp là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được "chế tạo, chế biến" phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ công nghệ, khoa học và kỹ thuật

1.1.2. Khái niệm về tiểu thủ công nghiệp

Tiểu thủ công nghiệp là ngành công nghiệp mà sản phẩm làm ra chủ yếu bằng thủ công với quy mô nhỏ. Ở đó, hệ thống công cụ lao động thô sơ đã được cải tiến và thay thế bằng một phần máy móc mang tính chất công nghiệp có quy mô nhỏ(bao gồm các hộ, cơ sở sản xuất mang tính chất công nghiệp quy mô nhỏ, trang bị máy móc hoặc thủ công).

1.1.3. Phát triển CN-TTCN

Phát triển CN-TTCN được hiểu là quá trình lớn lên cả về mặt lượng và sự thay đổi về mặt chất. Về mặt lượng thể hiện ở sự gia tăng qui mô các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, kỹ thuật, số lượng cơ sở sản xuất...từ đó gia tăng kết quả đầu ra của lĩnh vực CN-TTCN. Về mặt chất thể hiện ở việc sử dụng có hiệu quả các yếu tố nguồn lực, gia tăng mức đóng góp của CN-TTCN trong cơ cấu giá trị sản phẩm, thu nhập

người lao động ngày càng tăng…

1.1.4. Vị trí vai trò của CN-TTCN

**** Vị trí của công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp***

- Từ vị trí thứ yếu trở thành ngành có vị trí hàng đầu trong cơ cấu kinh tế đó.

- Không chỉ là ngành khai thác tài nguyên mà còn chế biến các loại nguyên liệu nguyên thủy.

- Sự phát triển của CN-TTCN là một yếu tố có tính chất quyết định để thực hiện quá trình CNH-HĐH toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

**** Vai trò của CN-TTCN***

- CN-TTCN góp phần hỗ trợ và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

- CN-TTCN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH ở nông thôn nước ta hiện nay.

- Mở ra nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP-TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Phát triển về số lượng cơ sở sản xuất CN-TTCN

Phát triển về số lượng cơ sở sản xuất là một trong những tiêu chí quan trọng để nghiên cứu, đánh giá sự phát triển của CN-TTCN. Phát triển CN-TTCN phải có sự tăng trưởng, nghĩa là sự gia tăng về số lượng cơ sở sản xuất cũng như tốc độ tăng trưởng của các cơ sở CN-TTCN ngày càng tăng..

1.2.2. Bảo đảm nguồn lực cho sản xuất CN-TTCN

Nguồn lực ở đây bao gồm: vốn, lao động, hệ thống cơ sở vật chất (thiết bị, công nghệ…) Lao động và nguồn vốn là hai yếu tố đầu vào cơ bản đối với sự tồn tại và phát triển của các các cơ sở sản xuất.

1.2.3. Hoàn thiện hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh

CN-TTCN có nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh nhưng chủ yếu là: hộ gia đình sản xuất CN-TTCN; hợp tác xã; các xí nghiệp, các công ty trách nhiệm hữu hạn.

1.2.4. Phát triển thị trường đầu ra của sản phẩm

Thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra mối gắn kết giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất. Sản phẩm sản xuất ra bán được sẽ góp phần nâng cao uy tín của cơ sở củng cố vị trí và thế lực của doanh nghiệp trên thị trường.

1.2.5. Gia tăng giá trị đóng góp của CN-TTCN

Khi giá trị của sản phẩm của CN-TTCN tăng lên thì nó sẽ thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện tiến sát đến cơ cấu kinh tế công nghiệp, xây dựng- nông nghiệp-dịch vụ. Sản xuất CN-TTCN phát triển sẽ giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao trình độ của người lao động. Từ đó phát huy được vai trò của CN-TTCN đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CN-TTCN

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

1.3.2. Điều kiện kinh tế

1.3.3. Điều kiện xã hội

CHƯƠNG 2
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP-TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÙ CÁT

2.1. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CN-TTCN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Phù Cát là huyện đồng bằng ven biển của tỉnh Bình Định. Diện tích tự nhiên của Phù Cát là 680,49 km^2. Dân số 189.985 người, mật độ dân số 279,2 người/ km^2(tính đến năm 2012); có 18 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 17 xã và 1 thị trấn. Phù Cát vừa có đồng bằng, có rừng và có biển. Quỹ đất tự nhiên khá rộng, xếp thứ 6/11 huyện, thành phố trong tỉnh, nhưng diện tích trồng trọt lại quá hẹp, chỉ có 19,8%. Phù Cát có nhiều làng nghề thủ công truyền thống được hình thành từ lâu đời là nón Kiều An, Hiều Huyên, Phong An, An Hành được cả nước biết tiếng…

2.1.2. Điều kiện kinh tế

Về tình hình phát triển kinh tế

Năm 2012 nền kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng và phát triển, tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm là 14%, xấp xỉ đạt mức kế hoạch đề ra, tăng 4,56% so với năm trước. Đến cuối năm 2012 thu nhập bình quân đầu người của huyện Phù Cát đạt 21,7 triệu đồng/năm tăng 6,1 triệu đồng so năm 2010, huyện không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,57%. Thu nhập bình quân toàn huyện năm 2013 ước đạt 24,2 triệu đồng/người, tăng 8,3 triệu đồng so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Tỷ trọng nông nghiệp giảm còn 35,2%; CN-TTCN, giao thông vận tải, thương nghiệp và dịch vụ đạt 64,8% tăng 6,8% so với năm 2010.

Về cơ sở hạ tầng

Huyện có hệ thống giao thông thuận tiện cả vè đường bộ, đường sắt, đường thủy. Hệ thống thủy lợi của huyện tương đối lớn, gồm 19 hồ chứa nước với dung tích 58,4 triệu m3 cùng với các đập dâng, trạm bơm và biện pháp khai thác nước ngầm đảm bảo tưới cho 25.835ha gieo trồng và cải thiện môi trường sinh thái. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt khoảng 55% tổng dân số. Có 10 xã đạt tiêu chí chợ nông thôn theo chuẩn theo quy định.

2.1.3. Điều kiện xã hội

Dân số và lao động

Theo số liệu điều tra năm 2012 của Chi cục thống kê huyện Phù Cát, huyện có 189.985 người, trong đó nữ 97.039 người, dân số trung bình ở nông thôn là 178.895 người, thành thị là 11.090 người. Mật độ dân số 277,1 người/ km^2. Nguồn nhân lực tăng hàng năm ước khoảng trên 2.000 người.

Do đại bộ phận dân số sinh sống ở nông thôn nên cơ cấu lao động ở nông thôn chiếm trên 90%. Lao động trong ngành nông – lâm – ngư nghiệp tăng về số lượng song tỷ trọng trong cơ cấu lao động lại có xu hướng giảm. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.

Văn hóa, truyền thống

Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2012 cho thấy trình độ học vấn của những người lao động trong độ tuổi ở huyện Phù Cát là: Mù chữ : 0,2 %; Cấp I: 22 %; Cấp II: 56 % và Cấp III: 22%.

Các xã đều đã đạt chuẩn phổ cập Trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh THCS được tiếp tục học PTTH và trung học nghề đạt khoảng 85%. Có 11 Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia, đạt 35,5%, tăng 13% so năm

2010; có 10 Trường THCS đạt chuẩn Quốc gia, đạt 55,5%, tăng 12,2% so năm 2010.

Nơi đây có nhiều ngành nghề truyền thống: Nghề nón ngựa Phú Gia, nước mắm Đề Gi, gạch nung Cát Minh, đan lát Trung Chánh…Bên cạnh đó Huyện cũng có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: suối nước nóng Vân Hội (TT Ngô Mây), chùa Ông Núi(xã Cát Tiến)…Đây chính là tìm năng để phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống ở địa phương, tạo điều kiện cho CN-TTCN phát triển.

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CN-TTCN HUYỆN PHÙ CÁT

2.2.1. Tình hình về số lượng cơ sở sản xuất CN-TTCN

Qua hơn 2 năm triển khai thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy về phát triển CN-TTCN và làng nghề, hiên nay toàn huyện có 3.234 cơ sở sản xuất CN-TTCN đang hoạt động, tăng 286 cơ sở so với năm 2010. Các ngành nghề chủ yếu của các cơ sở sản xuất CN-TTCN chủ yếu là: Chế biến lương thực-thực phẩm, chế biến gỗ, hàng thủ công, cơ khí nhỏ, sản xuất gạch ngói hàng tiêu dùng khác…

Bảng 2.2: Số lượng cơ sở sản xuất CN-TTCN trên địa bàn huyện Phù Cát tỉnh Bình Định giai đoạn 2008-2012.

Năm	2008	2009	2010	2011	2012
Số lượng cơ sở	2.420	2.670	2.948	2.832	3.234

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Phù Cát

Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 5 khu, CCN đã và đang triển khai; trong đó có 2 CCN đã đi vào hoạt động. Đi đầu là CCN Gò Mít (thị trấn Ngô Mây) với diện tích 13,5 ha, được khởi động từ năm 1999; đến nay đã được lấp đầy bởi 25 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này đã và đang xây dựng các nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, thảm xơ dừa, bột nhang, nước mắm… với tổng giá trị đầu tư hàng trăm tỉ đồng,

trong đó, 23 cơ sở đã đi vào hoạt động giải quyết việc làm cho trên 1.000 lao động tại địa phương.

Bảng 2.3: Các khu, cụm CN huyện Phù Cát

STT	Khu,cụm công nghiệp	Vốn ĐT (tỷ đồng)	Diện tích (ha)	Tiến độ xây dựng
01	Khu CN Hòa Hội	450	265	2009-2013
02	Cụm CN Gò Mít	31	13,5	Xong 2006 (lấp đầy diện tích)
03	Cụm CN Cát Nhơn	39	60	2007-2009
04	Cụm CN Cát Hiệp	32	50	2012-2014
05	Cụm CN Cát Trinh	trên 500	280	2008-2010

Nguồn: Phòng thống kê huyện Phù Cát

Hiện nay, tỉnh đã công nhận 8 LNTT trên địa bàn huyện, trong đó có 02 làng nghề TTCN chế biến nông – lâm sản và 06 làng nghề TTCN chế biến hàng tiêu dùng, cụ thể gồm: Làng nhang thôn Xuân Quang – xã Cát Tường; Làng dệt chiếu cói thôn Phú Hậu xã Cát Tiến và thôn Chánh Hậu – xã Cát Chánh; Làng bánh tráng và Làng nón ngựa thôn Phú Gia – xã Cát Tường; Làng bún bánh thôn An Phong – TT Ngô Mây; Làng đan đát thôn Phú Hiệp – xã Cát Tài và thôn Trung Chánh – xã Cát Minh. Các làng nghề này bước đầu đã được đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng, tổ chức các lớp dạy nghề, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, cải tiến mẫu mã… tạo điều kiện cho sản phẩm làng nghề vươn ra thị trường trong và ngoài tỉnh.

2.2.2. Tình hình về đảm bảo các yếu tố nguồn lực trong CN-TTCN

Về lao động: Năm 2010, toàn huyện có 8.244 lao động trong lĩnh vực CN-TTCN; Tổng lao động trong lĩnh CN-TTCN của Phù Cát năm 2012 là 8.137 chiếm 12,75% lao động của toàn huyện.

Lao động làm việc trong các cơ sở kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động CN-TTCN, chiếm 73,5%(5.981 người)

năm 2012 với tốc độ tăng trưởng lao động bình quân hàng năm giảm 4,77% (2010-2012). Lao động trong các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp dưới hình thức HTX 63 người (2012), với tốc độ tăng trưởng trung bình giảm 25,33%. Trong đó có lao động trong các doanh nghiệp mặc dù giảm so với năm 2011 nhưng lại tăng mạnh với tỷ lệ tăng trưởng 15,76% giai đoạn 2010-2012. Lao động làm việc trong các ngành CN chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất, trên 70% trong cơ cấu lao động theo ngành nghề với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 1,82% trong giai đoạn 2010-2012.

Bảng 2.4: Cơ cấu lao động CN-TTCN huyện Phù Cát

CHỈ TIÊU	ĐVT	2010	2011	2012	TĐTT (2010-2012)%
LĐ CN—TCN	Người	8.244	8.622	8.137	-0,65
LĐ PHÂN THEO LOẠI HÌNH CƠ SỞ CN-TTCN	Người	8.244	8.622	8.137	
HKD CÁ THỂ	Người	6.569	6.311	5.981	-4,77
Tỷ trọng	%	79,68	73,20	73,5	
HTX	Người	113	91	63	-25,33
Tỷ trọng	%	1,37	1,06	0,78	
DN	Người	1.562	2.220	2.093	15,76
Tỷ trọng	%	18.95	35,18	25,72	
LĐ PHÂN THEO NGÀNH	Người	8.244	8.622	8.137	
KHAI THÁC,SX VLXD	Người	1.865	1.796	1.598	-7,43
Tỷ trọng	%	22,62	20,83	19,64	
CN CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	Người	6.153	6.613	6.379	1,82
Tỷ trọng	%	74,64	76,70	78,39	
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, NƯỚC	Người	176	156	126	-15,39
Tỷ trọng	%	2,13	1,81	1,55	
CUNG CẤP NƯỚC, XỬ LÝ RÁC THẢI		50	57	34	-17,54
Tỷ trọng		0,61	0,66	0,42	

Nguồn: Xử lý, tổng hợp số liệu từ Niên giám thống kê huyện Phù Cát

Về vốn trong sản xuất kinh doanh: Vốn là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất CN-TTCN.

Tổng vốn đầu tư cho CN-TTCN của huyện năm 2008 là 660 tỷ đồng, năm 2012 là 1.240,59 tỷ đồng với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2008-2012 là 17,09%: trong đó DN có tốc độ tăng cao nhất (42,98%) với tốc độ tăng lớn hơn rất nhiều so với cơ sở kinh doanh cá thể. Điều này cũng phù hợp với xu hướng chung trong phát triển.

Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của các cơ sở CN-TTCN địa phương đã có bước cải thiện hơn, năm 2008 tổng nguồn vốn vay của khu vực là 126,26 tỷ đồng; năm 2012 là 371,82 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân 30,99%. Trong đó vốn vay của các hộ kinh doanh cá thể tăng bình quân 18,92%, của doanh nghiệp tăng 33,38%, HTX giảm 19,82%.

Bảng 2.5. Một số chỉ tiêu về vốn của cơ sở sản xuất CN-TTCN giai đoạn 2008-2012

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008				Năm 2012				TĐTT bình quân (2008-2012) %			
		DN	HTX	KDCT	Cộng	DN	HTX	KDCT	Cộng	DN	HTX	KDCT	Cộng
01	Tổng nguồn vốn	120,67	26,4	512,93	660	504,3	12,06	724,23	1.240,59	42,98	-17,79	9,00	17,09
	Vốn chủ sở hữu	32,84	17,4	467,85	533,74	226,35	8,34	634,08	868,77	62,03	-16,79	7,90	12,95
	Vốn vay	87,83	9	45,08	126,26	277,95	3,72	90,15	371,82	33,38	-19,82	18,92	30,99
02	Nguồn vốn/cơ sở	7,10	2,2	0,21	0,27	22,92	2,01	0,23	0,38	34,04	-2,23	2,3	8,92
03	Giá trị tài sản cố định	63,57	3,06	197,37	264	243,2	3,11	370,69	617	39,85	0,41	17,07	23,64
04	GTTS CĐ/cơ sở	3,74	0,255	0,08	0,11	11,05	0,52	0,12	0,19	31,11	0,19	10,67	14,64

Nguồn: Xử lý, tổng hợp từ số liệu điều tra của Phòng Thống kê huyện Phù Cát

Về trình độ công nghệ: công nghệ của huyện Phù Cát đa số là ở trình độ thủ công truyền thống chiếm tỷ lệ 61% số cơ sở sản xuất CN-TTCN, 29% là cơ sở sản xuất nửa thủ công nửa cơ khí. Sản xuất thủ công với kinh nghiệm cổ truyền là chủ yếu. Việc sử dụng công nghệ mới ở huyện chiếm một tỷ lệ rất thấp.

2.2.3. Tình hình về hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của CN-TTCN

Sản xuất CN-TTCN trong những năm gần đây do có sự quan tâm của nhà nước và địa phương nên có điều kiện đề phát triển. Một trong những thay đổi rõ nét nhất là cách thức tổ chức sản xuất.

Bảng 2.6: Hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của CN-TTCN huyện Phù Cát

Năm	DN		HTX		KDCT		Tổng
	Số lượng (cơ sở)	*Tỷ trọng (%)*	*Số lượng (cơ sở)*	*Tỷ trọng (%)*	*Số lượng (cơ sở)*	*Tỷ trọng (%)*	*Số lượng (cơ sở)*
2008	17	0,70	12	0,49	2.391	98,80	2.420
2009	20	0,74	10	0,37	2.640	98,88	2.670
2010	23	0,78	9	0,30	2.916	98,91	2.948
2011	31	1,09	7	0,25	2.794	98,66	2.832
2012	22	0,68	6	0,19	3.206	99,13	3.234
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn (2008-2012)	6,66		-15,91		7,61		7,52

Nguồn: Xử lý, tổng hợp số liệu từ niên giám Thống kê huyện Phù Cát.

Như vậy, nhìn chung hình thức tổ chức sản xuất của CN-TTCN của huyện hiện nay vẫn còn mang tính chất tự phát, chủ yếu là mô hình kinh tế hộ kinh doanh cá thể, quy mô sản xuất nhỏ bé và khép kín, bảo thủ nghề dòng họ, gia đình hơn là tổ chức phân công sản xuất rộng hoặc sự hợp tác giữa các ngành nghề, công nghệ sản xuất thủ công. Chính vì vậy, tổ chức sản xuất tại các cơ sở đã thiếu đi sự quan hệ và liên kết chặc chẽ về tổ chức kinh tế, công nghệ kỹ thuật, lao động nên rất hạn chế đến khả năng phát triển sản xuất. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp mặc dù được xem là lực lượng đầu tàu, có những bước phát triển đáng kể, gớp phần khuyến khích sự phát triển của CN-TTCN nhưng vẫn còn chiếm một tỷ trọng khá khiêm tốn, tốc độ tăng vẫn còn chậm, chưa tạo được động lực mạnh thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Huyện.

2.2.4. Tình hình về phát triển thị trường đầu ra của sản phẩm CN-TTCN

Hầu hết các sản phẩm CN-TTCN được tiêu thụ chủ yếu ở trong phạm vi của huyện, của tỉnh. Một số ít bắt đầu tiêu thụ ở các địa phương khác trong nước và tham gia xuất khẩu như: may mặc, gỗ mỹ nghệ, chế biến hạt điều, hàng thủ công…

Trong 4 hình thức bán buôn, bán lẻ, bán thông qua đại lý, và sản xuất theo đơn đặt hàng thì hình thức bán buôn và theo đơn đặt hàng là hai kênh tiêu thụ chủ yếu tại địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 85% sản phẩm CN-TTCN tiêu thụ qua kênh công ty tư nhân, thương lái.

2.2.5. Tình hình về kết quả sản xuất kinh doanh của CN-TTCN

Kết quả sản xuất tại các cơ sở CN-TTCN đã góp phần quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của huyện. Có thể nói, với mức đóng góp

ngày càng tăng, dự báo CN-TTCN vẫn tiếp tục giữ vai trò động lực trong tăng trưởng kinh tế sắp tới của huyện.

Kết quả năm 2012 giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá cố định năm 1994) tại các cơ sở đạt 286,492 tỉ đồng, đạt 84,5% so với kế hoạch, tăng 12,5% so với năm trước và tăng gấp 1,84 lần so với năm 2008. Giá trị sản xuất CN-TTCN tăng bình quân hàng năm 16,44%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng CN-TTCN và dịch vụ đạt 64,8%, tăng 6,8% so với năm 2010. Các ngành sản xuất thể hiện thế mạnh như : may mặc, chế biến gỗ, mây tre đan, chế biến thực phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng giá trị sản xuất của huyện. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá cả về số lượng, quy mô, trình độ công nghệ và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Kết quả chi tiết giá trị sản xuất công nghiệp theo bảng sau:

Bảng 2.7 : Giá trị sản xuất của CN-TTCN huyện Phù Cát giai đoạn 2008-2012

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
GTSX CN-TTCN	Tỷ đồng	155,832	172,215	210,567	254,658	286,492
Chỉ số phát triển	%		110,5	122,3	120,9	112,5
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn	%	16,44				

Nguồn : xử lý, tổng hợp số liệu từ niên giám thống kê huyện Phù Cát

Giá trị sản xuất CN-TTCN nghiệp tăng góp phần tăng thu nhập bình quân của người lao động. Thu nhập bình quân của lao động Phù Cát là 1.808 ngàn đồng/người /tháng (21,7 triệu đồng/người/năm). Riêng lao động trong lĩnh vực CN-TTCN thu nhập bình quân ước đạt 2.347 ngàn đồng/người/tháng.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CN-TTCN HUYỆN PHÙ CÁT

2.3.1. Những kết quả chủ yếu đã đạt được

Trong những năm qua, huyện Phù Cát tập trung công tác đền bù, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp. Ngoài vận dụng sáng tạo chính sách ưu đãi của tỉnh, huyện có chính sách tạo điều kiện thu hút đầu tư và lấp đầy vào các cụm công nghiệp Hòa Hội (Cát Hanh), cụm chế biến thủy sản tại Cát Khánh, qui hoạch mở rộng cụm công nghiệp Hòa Hội ... Và trên thực tế bước đầu đã đem lại được kết quả khả quan. Mặc dù một số CCN trên địa bàn huyện mới chỉ ở giai đoạn quy hoạch và đang xây dựng nhưng đã có nhiều cơ sở đăng ký vào hoạt động.Tranh thủ các nguồn vốn cấp trên và vốn địa phương để xây dựng hạ tầng và đào tạo nghề cho lao động; tăng cường chỉ đạo các cơ sở đẩy mạnh sản xuất, nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển CN-TTCN trên địa bàn huyện.

Sự phát triển của ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp góp phần thúc đẩy các ngành khác phát triển theo như: ngành nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ…từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

CN-TTCN phát triển đã góp phần ổn định đời sống, trật tự an ninh xã hội, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho nông dân trong huyện.

2.3.2. Những tồn tại, yếu kém

Hạn chế lớn nhất hiện nay của sản xuất CN-TTCN Phù Cát là tâm lý làm ăn nhỏ lẻ trong một bộ phận người sản xuất. Đến nay, toàn huyện mới chỉ có 22 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp với quy mô còn hạn hẹp.

Tuy giá trị sản xuất CN-TTCN của huyện Phù Cát tăng trưởng nhưng chưa ổn định và mức tăng thấp so với yêu cầu và kế hoạch đề ra, quy mô của các cơ sở sản xuất vẫn còn nhỏ.

Qui mô của đa số các cơ sở sản xuất còn nhỏ lẻ phân tán, manh mún, nên khó tiếp cận với nguồn vốn vay từ các ngân hàng. Công nghệ và trang thiết bị sản xuất còn lạc hậu, chủ yếu vẫn là thủ công.

Đội ngũ doanh nghiệp còn yếu (thực lực, nắm bắt thị trường, kỹ năng quản trị). Thiếu công nhân kỹ thuật lành nghề, nhiều lao động chưa được đào tạo.

Năng lực cạnh tranh của sản phẩm còn thấp hơn sản phẩm cùng loại của các huyện, tỉnh khác trong nước.

Môi trường tại các cụm CN vẫn còn bị ô nhiễm, sản xuất tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường: chế biến thực phẩm bún, bánh chưa triển khai thu gom, xử lý nước thải, theo đúng quy định mà còn đổ thải ngay tại ao hồ, kênh mương, các khu đất trống.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CN-TTCN HUYỆN PHÙ CÁT

3.1. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CN-TTCN HUYỆN PHÙ CÁT TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1.1. Quan điểm phát triển CN-TTCN

Huyện Phù Cát phát huy nội lực, thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp- nông thôn, xây dựng một nền kinh tế toàn diện, theo hướng sản xuất hàng hóa và tăng nhanh tỷ trọng CN- TTCN- DV. Phát triển CN-TTCN trên cơ sở kết hợp yếu tố hiện đại và yếu tố truyền thống. Phát triển CN-TTCN trên địa bàn trong thời gian tới theo hướng cơ bản, vững chắc, làm bước nào chắc bước nấy, không làm ồ ạt mà kém hiệu quả. Phát triển CN-TTCN gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát huy những tiềm năng lợi thế sẵn có; huy động mọi nguồn lực cho phát triển CN - TTCN, nhằm "Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển CN - TTCN và ngành nghề nông thôn". Lựa chọn các ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp định hướng chung và lợi thế của địa phương.

3.1.2. Mục tiêu phát triển CN-TTCN

Mục tiêu phát triển KT-XH năm 2013 ở Phù Cát là tăng giá trị tổng sản phẩm xã hội địa phương là 12,8%. Trong đó, tỷ trọng nông-lâm- thủy sản 34,2%, CN- TTCN- GTVT- TM- DV 65,8%. Nhưng điều lưu tâm nhất là phấn đấu đạt mức thu nhập bình quân 24,2 triệu đồng/ người/ năm; giảm hộ nghèo xuống còn 11,76%. Nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 20%/năm trở lên (giai đoạn 2010-2015 đạt 19,5%/năm trở lên, giai đoạn 2015-2020 đạt 22%/năm trở lên).

Đến năm 2015, có từ 10-15 nghìn lao động tham gia sản xuất tại các cơ sở. Đến năm 2020, có trên 20 nghìn lao động tham gia sản xuất.

Thu hút, kêu gọi từ 01 - 02 dự án đầu tư vào phát triển CN - TTCN trên địa bàn huyện.

Đến năm 2020, tất cả các cơ sở sản xuất phải đảm bảo có đủ hệ thống cấp điện điện năng, nước sạch và xử lý nước thải tập trung, đường giao thông nội bộ phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, bên cạnh đó là thực hiện tốt việc sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả. Đối với các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm (bún, bánh, dệt chiếu...) từng bước di chuyển các cơ sở đó ra khỏi khu vực dân cư vào các khu, cụm công nghiệp.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CN-TTCN

3.2.1. Các giải pháp về xây dựng và quy hoạch cho phát triển CN - TTCN trên địa bàn huyện

Trong thời gian tới, để việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển CN-TTCN có hiệu quả cần tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tiến hành quy hoạch các cụm công nghiệp tập trung để giải quyết mặt bằng sản xuất cho các đơn vị. Rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch phát triển ngành CN-TTCN cho phù hợp với từng thời điểm phát triển kinh tế xã hội của huyện. Quy hoạch phải thận trọng phải có tầm nhìn chiến lược trong dài hạn. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng-kỹ thuật để điều kiện phát triển cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN. Đẩy mạnh giao lưu hàng hoá với các vùng, địa phương trong cả nước, để mở rộng thị trường tiêu thụ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới.

3.2.2. Tăng cường các nguồn lực

Về lao động cho phát triển CN-TTCN

Xây dựng chiến lược, chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, sử dụng và trọng dụng nhân tài nhằm khuyến khích và phát huy khả năng sáng tạo của con người. Bố trí sử dụng lao động có hiệu quả cho từng thời kỳ trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh. Quan tâm đến việc phát triển khu vực công nghiệp ngoài quốc doanh hướng vào tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ ở quy mô

hộ gia đình để giải quyết việc làm và tạo vốn ban đầu. Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin đại chúng cho người lao động, đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại... để mọi người có điều kiện tự nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

Về vốn đầu tư cho phát triển CN-TTCN

Vốn là yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất nói chung và của các cơ sở sản xuất CN-TTCN nói riêng. Tuy nhiên, thực tế hiện nay nguồn vốn sản xuất kinh doanh thường rất nhỏ, chủ yếu là nguồn vốn tự có tại các cơ sở sản xuất. Do đó để đáp ứng nhu cầu đầu tư cần huy động vốn nhiều nguồn và phân bổ vốn một cách hợp lý.

Về khoa học công nghệ

Tập trung đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật theo hướng chính là hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất; không đầu tư, nhập khẩu thiết bị, công nghệ lạc hậu. Nên sử dụng những công nghệ thích hợp với khả năng đầu tư, trình độ tiếp thu về công nghệ, kỹ thuật và quy mô sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cải tiến công nghệ. Hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN lựa chọn công nghệ phù hợp với sản xuất và thị trường; hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới, tổ chức liên kết trong nghiên cứu.

3.2.3. Hoàn thiện thức tổ chức sản xuất

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, xuất hiện nhiều hình thức tổ chức sản xuất mới. Để tạo điều kiện phát triển cho sản xuất CN-TTCN tại Phù Cát cần đa dạng hóa các loại hình sản xuất để phát huy thế mạnh của các ngành nghề CN- TTCN.

Thứ nhất, hình thức doanh nghiệp bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân được nhà nước khuyến

khích phát triển, phát huy được ưu thế về vốn, tính năng động, kinh nghiệm quản lý của mình. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập với các thủ tục hành chính đơn giản, gọn nhẹ và kiểm soát hoạt động theo đúng pháp luật.

Thứ hai, Kinh tế hộ gia đình cần liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với kinh tế hợp tác xã và doanh nghiệp tư nhân. Gia đình là hạt nhân, động lực cho phát triển CN-TTCN.

Thứ ba, hiện tại ở huyện mô hình hợp tác xã trong phát triển CN-TTCN chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu là kinh tế cá thể với loại hình doanh nghiệp. Do đó, phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong CN-TTCN là xu thế tất yếu hiện nay. Có rất nhiều địa phương đã thành công trong xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới này. Mô hình hợp tác xã có nhiều ưu điểm so với hộ gia đình. Mô hình thích hợp hiện nay là hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ, việc sản xuất do gia đình thực hiện, hợp tác xã làm dịch vụ cung ứng nguyên, nhiên, vật liệu, tiêu thụ sản phẩm...đảm bảo cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của xã viên được ổn định.

Thứ tư, khuyến khích phát triển mô hình tổ chức sản xuất CN-TTCN tập trung: Sản xuất TTCN hiện nay dần được hiện đại hoá để phát triển nhằm khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất CN-TTCN.

3.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo các mối liên kết kinh tế

Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường đầu ra) là khâu cuối cùng trong việc quyết định đến kết quả sản xuất kinh doanh. Để các sản phẩm CN-TTCN có thể chiếm lĩnh được thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu; các cơ sở sản xuất có cơ hội phát triển mạnh hơn, mấu chốt quyết định quá trình đi lên và tạo đà để phát triển kinh tế huyện trong

thời gian tới thì một số giải pháp sau sẽ có tác dụng tích cực. Do vậy phải có giải pháp đồng bộ giữa cách ban ngành, cơ sở với nhau. Từ cấp chính quyền cho tới các cơ sở sản xuất cần đẩy mạnh cộng tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại hỗ trợ tiêu thị sản phẩm; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước và phấn đấu vươn ra thị trường thế giới

3.2.5. Hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý của nhà nước để thúc đẩy CN-TTCN phát triển.

Tăng cường xây dựng và hoàn thiện một số chính sách nhằm khuyến khích, kêu gọi mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất CN – TTCN.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải cách hành chính, thủ tục theo hướng nhanh gọn, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, cho đầu tư.

Xây dựng quy chế phối hợp phân công giữa các ban, ngành, địa phương. Cần xác định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền, có những quy định cụ thể vừa tạo thuận lợi, vừa quản lý chặt chẽ trong kinh doanh và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, doanh nghiệp.

Tóm lại,toàn bộ hệ thống các giải pháp nêu trên được xem là một hướng mở, tạo ra bước đột phá cho sự phát triển của ngành CN-TTCN huyện Phù Cát. Hy vọng, với những giải pháp trên, thời gian đến ngành CN-TTCN huyện Phù Cát sẽ phát triển mạnh.

KẾT LUẬN

Những năm gần đây, CN-TTCN huyện Phù Cát có sự phát triển. Do vậy, huyện đã có sự bứt phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ. Đến nay, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Phù Cát – Bình Định đã có những bước tiến quan trọng: tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tăng nhanh, tổng giá trị sản xuất ngày càng có chiều hướng đi lên… các khu, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng tại địa phương đã bước đầu phát huy tác dụng... đã góp phần không nhỏ thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xã hội huyện, ổn định anh ninh trật tự và an toàn xã hội qua đó làm cho đời sống nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng được đổi mới. Thế nhưng, bên cạnh các những thành tựu, tiến bộ đã đạt được trong phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp vẫn một số tồn tại, hạn chế cần phải giải quyết ngay nếu muốn sản xuất CN-TTCN Phù Cát phát triển một cách bền vững, mở hướng vươn tầm trong tương lai. Do vậy để CN-TTCN ngày càng phát triển hơn, đạt được mục tiêu đã đề ra Huyện cần thực hiện một cách có hệ thống và đồng bộ các giải pháp các giải pháp đã đề ra:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các chính sách hỗ trợ phát triển CN- TTCN phù hợp với giai đoạn hiện nay.

- Hỗ trợ các cơ sở ổn định thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới. Xây dựng chiến lược sản phẩm gắn với chiến lược thị trường.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị theo phương châm kết hợp công nghệ tiên tiến với công nghệ thủ công truyền thống nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường…

- Tổ chức huấn luyện, đào tạo, nâng cao tay nghề trình độ quản lý của người lao động và người sử dụng lao động.

- Các tổ chức tín dụng, ngân hàng cần có biện pháp tích cực hơn trong việc cho vay đối với các hộ sản xuất, HTX, các doanh nghiệp tham gia sản xuất kinh doanh ở lĩnh vực này với lãi suất thấp hơn, thủ tục vay vốn thuận lợi hơn.

- Giải quyết tốt vấn đề môi trường tại các cơ sở sản xuất đảm bảo cho phát triển bền vững.

- Việc phát triển CN-TTCN, ngoài nỗ lực của các cơ sở sản xuất cần có sự hỗ trợ từ phía nhà nước thông qua các cơ chế chính sách thuận lợi nhằm huy động và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo sự bền vững trong quá trình phát triển.